

Mẫu số: D23-THADS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2023/TT-BTP
ngày 14/8/2023 của Bộ Tư pháp)

CỤC THADS TỈNH BẾN TRE
CHI CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THÀNH PHỐ BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 936...../TB-CCTHADS

TP Bến Tre, ngày 16... tháng 8 năm 2024

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản

Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án số 11/2023/KDTM-ST ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre;

Căn cứ Quyết định thi hành án số 125/QĐ-CCTHADS ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số 26/QĐ-CCTHADS ngày 05 tháng 04 năm 2024 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre;

Căn cứ kết quả thẩm định giá ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Công ty TNHH Thẩm định giá Nova;

Do các bên đương sự không yêu cầu định giá lại tài sản kê biên cũng như không có thỏa thuận về tổ chức bán đấu giá, Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre - Địa chỉ: Ấp Mỹ An C, xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre cần lựa chọn tổ chức bán đấu giá để ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá các tài sản đã kê biên sau:

TT	Hạng mục	Đvt	Số lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Tỷ lệ hao mòn (%)	Thành tiền (đồng)
I	Quyền sử dụng đất					75.907.906.503
01	Đất trồng cây lâu năm	m ²	4.622,90	14.025.332		64.837.707.303
02	Đất ở tại đô thị	m ²	600,0	18.450.332		11.070.199.200
II	Công trình xây dựng					6.845.958.179



01	Văn phòng 1	m ²	82,800	4.752.720	15%	334.496.434
02	Khung thép kết hợp lõi đi	m ²	32,000	1.258.000	20%	32.204.800
03	Văn phòng 2	m ²	137,600	4.752.720	15%	555.878.131
04	Mái che sau	m ²	169,600	739.200	25%	94.026.240
05	Mái che tròn	m ²	32,200	1.367.000	20%	35.213.920
06	Khung tiền chế (mái ngói)	m ²	128,000	3.268.700	20%	334.714.880
07	Khung tiền chế (mái tôn)	m ²	242,500	2.088.800	20%	405.227.200
08	Nhà chính	m ²	442,600	8.209.600	5%	3.451.890.512
09	Sân	m ²	181,580	401.000	20%	58.250.864
10	Mái che khung sắt	m ²	36,000	2.088.800	20%	60.157.440
11	Hồ nước	m ³	64,000	2.796.000	20%	143.155.200
12	Nhà vệ sinh	m ²	9,840	4.643.000	30%	31.980.984
13	Nhà bảo vệ	m ²	7,936	3.055.200	25%	18.184.550
14	Khung sắt trang trí hoa	cái	2,000	2.214.080	10%	3.985.344
15	Nhà nối liền nhà gỗ	m ²	136,460	5.500.155	5%	713.023.594
16	Hàng rào xung quanh	m ²	559,100	1.128.000	30%	441.465.360
17	Hàng rào trước	m ²	83,020	1.248.000	15%	88.067.616
18	Cổng rào	m ²	24,2	2.026.000	10%	44.035.110
III	Cây trồng					831.164.000
01	Chậu cây xanh (đk hơn 60cm)	chậu	5	70.000.000		350.000.000
02	Cau vua	cây	8	5.000.000		40.000.000
03	Cây hoa giấy trồng chậu	chậu	9	5.000.000		45.000.000
04	Cây hoa giấy (đk hơn 5cm)	cây	1	3.000.000		3.000.000
05	Chậu mai chiếu thủy (đk 5-10cm)	chậu	3	5.000.000		15.000.000
06	Cây mai chiếu thủy (đk	cây	2	1.500.000		3.000.000

	dưới 5cm)					
07	Cây lêkima	cây	3	15.000.000		45.000.000
08	Cây dừa (trên 6 năm tuổi)	cây	11	1.650.000		18.150.000
09	Cây dừa (4- dưới 6 năm tuổi)	cây	2	1.100.000		2.200.000
10	Cây nhãn					
-	Trên 8 năm tuổi	cây	3	1.485.000		4.455.000
-	2-4 năm tuổi	cây	1	935.000		935.000
-	Mới trồng	cây	1	165.000		165.000
11	Cây khế					
-	Từ hơn 5 năm tuổi	cây	3	10.000.000		30.000.000
-	Trồng chậu	chậu	1	30.000.000		30.000.000
12	Cây hồng nhung (đk 15cm)	cây	1	20.000.000		20.000.000
13	Cây vú sữa	cây	2	15.000.000		30.000.000
14	Cây trang trồng chậu	chậu	1	5.000.000		5.000.000
15	Cây sung trồng chậu	chậu	1	15.000.000		15.000.000
16	Cây sori trồng chậu	chậu	1	15.000.000		15.000.000
17	Cây đuối (đk 15cm)	cây	1	15.000.000		15.000.000
18	Cây nguyệt quế (đk 10-15cm)	cây	5	5.000.000		25.000.000
19	Cây bàng (đk 10-15cm)	cây	1	1.500.000		1.500.000
20	Cây kim quýt trồng chậu	chậu	6	5.000.000		30.000.000
21	Cây tùng (đk 5-10cm)	cây	1	5.000.000		5.000.000
22	Cây me (hơn 5 năm)	cây	7	3.000.000		21.000.000
23	Cây mận					
-	Trồng chậu	chậu	1	3.000.000		3.000.000
-	Từ hơn 3 năm tuổi	cây	3	440.000		1.320.000

24	Cây bưởi					
-	Trồng chậu	chậu	1	2.000.000		2.000.000
-	Từ 1-2 năm tuổi	cây	1	484.000		484.000
25	Cây chùm ruột (hơn 5 năm tuổi)	cây	1	220.000		220.000
26	Cây me tây (hơn 5 năm tuổi)	cây	1	3.000.000		3.000.000
27	Cây ôi (hơn 5 năm tuổi)	cây	1	154.000		154.000
28	Cây khế (hơn 5 năm tuổi)	cây	1	220.000		220.000
29	Cây sakê					
-	Từ hơn 5 năm tuổi	cây	3	440.000		1.320.000
-	(3- dưới 5 năm tuổi)	cây	1	286.000		286.000
30	Cây măng cụt (8-12 năm tuổi)	cây	1	2.090.000		2.090.000
31	Cây điều (từ hơn 5 năm tuổi)	cây	1	440.000		440.000
32	Cây điệp (đk 10-15cm)	cây	1	1.500.000		1.500.000
33	Cây mít (từ 6-10 năm tuổi)	cây	4	440.000		1.760.000
34	Cây xanh (đk hơn 15cm)	cây	1	5.000.000		5.000.000
35	Cây dâu (6-10 năm tuổi)	cây	1	440.000		440.000
36	Mai vàng trồng chậu	chậu	1	15.000.000		15.000.000
37	Cây mai hoàng hậu + móng bò	cây				
-	Cây mai hoàng hậu (đk hơn 15cm)	cây	1	3.500.000		3.500.000
-	Cây móng bò (đk hơn 15cm)	cây	1	3.500.000		3.500.000
38	Mai vàng (đk dưới	cây	1	500.000		500.000

Địa chỉ nộp hồ sơ: Ấp Mỹ An C, xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre./.

Nơi nhận:

- Công TTĐT của Tổng cục THADS;
- Trang thông tin điện tử Cục THADS tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử quốc gia về ĐGTS;
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố;
- Lưu: VT, HSTHA.



	5cm)					
39	Cây xoài (hơn 5 năm tuổi)	cây	1	825.000		825.000
40	Cây sứ trồng chậu	chậu	2	600.000		1.200.000
41	Cây cau đuôi chồn	cây	7	2.000.000		14.000.000
TỔNG CỘNG (I)+(II)+(III)						83.585.028.682
LÀM TRÒN						83.585.029.000
<i>Bằng chữ: Tám mươi ba tỷ, năm trăm tám mươi lăm triệu, không trăm hai mươi chín nghìn đồng./.</i>						

Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre thông báo để các tổ chức bán đấu giá biết, đăng ký.

Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá;
2. Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả;
3. Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản;
4. Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp;
5. Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố;
6. Các tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định.

Hồ sơ đăng ký bao gồm:

1. Văn bản đăng ký tham gia cung cấp dịch vụ bán đấu giá; hồ sơ năng lực (giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ bán đấu giá; dịch vụ công ty cung cấp; mô hình, quy trình thực hiện; nhân sự; giấy tờ pháp lý; dự án tiêu biểu ...) và tài liệu khác có liên quan.

2. Tổ chức bán đấu giá cung cấp bản chính hoặc sao y bản chính các giấy tờ, tài liệu do tổ chức mình ban hành; cung cấp bản sao có giấy chứng thực các giấy tờ, tài liệu khác không do tổ chức mình ban hành. Cơ quan THADS không hoàn trả hồ sơ đối với tổ chức bán đấu giá tài sản không được lựa chọn.

Thời gian nộp hồ sơ: từ ngày 19.. tháng 8 năm 2024 đến hết ngày 21. tháng 8 năm 2024

Hình thức nộp hồ sơ: Nộp trực tiếp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.